TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **926** /2019/DS-ST
Ngày: 24-12-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Bà Trần Thị Đúng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Tuyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 311/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 05 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng A**

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C

Người đại diện hợp pháp: Ông **Đào Đình M**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường D, phường E, Quận F, TP HCM. (Văn bản ủy quyền số 04.L46.13/2019/UQ-GĐK-TDTD ngày 16/4/2019).

2. *Bị đơn*: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 7A159/3 ấp 7, xã G, huyện H, TP HCM.

(Ông M có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 của Ngân hàng A và bản tự khai của ông Đào Đình M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/11/2014, ông Trần Văn N có ký giấy Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng Số hiệu hồ sơ A No 313089 (số quản lý 20141206-500001-0024) với Ngân hàng A để vay số tiền 28.350.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân bao gồm phí bảo hiểm là 1.350.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Trần Văn N có trách nhiệm trả số tiền 43.478.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) gồm cả gốc và lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.813.000 đồng, tháng cuối cùng 1.779.000 đồng. Trả vào ngày 09 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 09/01/2015.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 28.350.000 đồng. Kể từ ngày 13/05/2016 đến nay, ông Trần Văn N không trả thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn trả nợ nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N thanh lý hợp đồng trả một lần cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

Trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại theo hợp đồng: 10.956.682 đồng

Trả toàn bộ khoản nợ lãi còn lại theo hợp đồng: 1.653.318 đồng

Tổng số tiền Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N phải trả là: 12.610.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân

hàng A số tiền 12.610.000 đồng trong đó vốn gốc là 10.956.682 đồng và lãi phát sinh là 1.653.318 đồng. ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Văn N. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh nên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Mùi có đơn xin vắng mặt, ông Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M và ông N theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tường trình và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A thì có cơ sở xác định ngày 24/11/2014 ông Trần Văn N có ký Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141206-500001-0024 với Ngân hàng A, và được Ngân hàng A duyệt vay ngày 09/12/2014 để vay số tiền 28.350.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), lãi suất cho vay 3,75%/tháng, phương thức trả góp hàng tháng trong vòng 24 tháng, phương thức trả nợ: trả góp hàng tháng vào ngày 09 hàng tháng, mỗi tháng trả 1.813.000 đồng, tháng cuối cùng 1.779.000 đồng, bắt đầu thực hiện thanh toán từ ngày 09/1/2015.

[5] Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

[6] Theo văn bản thỏa thuận ngày 09/12/2014 giữa Ngân hàng A với ông N thỏa thuận số tiền vay là 28.350.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), tất toán của hợp đồng số 20141206-500001-0024 ngày 09/12/2016, do trừ đi tiền đóng bảo hiểm hợp đồng 1.350.000 đồng nên số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng. Ngày 09/12/2014 Ngân hàng A đã giải ngân số

tiền vay 27.000.000 đồng (Hai bảy triệu đồng) cho ông Trần Văn N thông qua tài khoản của ông N. Như vậy, Ngân hàng A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

[7] Quá trình tố tụng, mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Văn N. Tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản cho biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông N không có thiện chí trong việc thanh toán các khoản tiền còn nợ cho Ngân hàng A và không có ý thức chấp hành pháp luật.

[8] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Ông N đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A xác nhận ông Trần Văn N đã trả nợ được số tiền 30.868.000. Tính đến ngày 13/05/2016, ông Trần Văn N còn nợ lại số tiền nợ gốc và lãi là 12.610.000 đồng trong đó vốn gốc là 10.956.682 đồng và lãi phát sinh là 1.653.318 đồng. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi, vì vậy Ngân hàng A yêu cầu ông N trả tiền vốn gốc và lãi còn nợ của hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Do các bên không thỏa thuận về lãi chậm trả nên Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn tại hợp đồng tín dụng số 20141206-500001-024 ngày 09/12/2014 giữa Ngân hàng A với ông Trần Văn N.

[11] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, ông Trần Văn N

phải chịu 630.500 đồng (sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

2. Buộc ông Trần Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi là 12.610.000 (Mười hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) trong đó vốn gốc là 10.956.682 đồng (Mười triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) và lãi phát sinh là 1.653.318 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn ba trăm mười tám đồng), theo phương thức trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn tại hợp đồng tín dụng số 20141206-500001-024 ngày 09/12/2014 giữa Ngân hàng A với ông Trần Văn N.

3. Về án phí:

3.1. Ông Trần Văn N chịu 630.500 đồng (sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 315.250 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng áp phí, lệ phí Tòa án

số AA/2018/0025215 ngày 03/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (3)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Duy Linh